TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2020-2021

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - LỚP 11A,N (môn Lý)

Phòng số: 72 Tại phòng: 505

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	110001	11N2	Nguyễn Thành An	05/11/2004	
2	110002	11N2	Cao Đức Anh	21/01/2004	
3	110003	11N1	Hà Vũ Phương Anh	13/08/2004	
4	110004	11N1	Lê Phan Anh	20/06/2004	
5	110005	11N2	Lê Phan Anh	10/09/2004	
6	110006	11N1	Lê Thị Ngọc Anh	20/09/2004	
7	110007	11N2	Nguyễn Đức Nhật Anh	09/12/2004	
8	110008	11N1	Nguyễn Hải Anh	14/08/2004	
9	110009	11A1	Nguyễn Mai Anh	05/12/2004	
10	110010	11N1	Nguyễn Ngọc Tâm Anh	19/11/2004	
11	110011	11N2	Nguyễn Phạm Châu Anh	29/11/2004	
12	110012	11N1	Nguyễn Phương Anh	02/01/2004	
13	110013	11N1	Nguyễn Quang Anh	20/01/2004	
14	110014	11N1	Nguyễn Tài Anh	19/12/2004	
15	110015	11A1	Nguyễn Trang Anh	19/02/2004	
16	110016	11N2	Nguyễn Việt Anh	05/01/2004	
17	110017	11A1	Phạm Nguyễn Quỳnh Anh	04/09/2004	
18	110018	11A1	Phạm Quang Anh	29/08/2004	
19	110019	11N1	Phạm Quang Anh	31/07/2004	
20	110020	11N1	Trần Duy Anh	23/06/2004	
21	110021	11N2	Trần Duy Anh	30/11/2004	
22	110022	11N1	Trần Hoàng Anh	30/05/2004	
23	110023	11N1	Trần Nhật Anh	20/12/2004	
24	110024	11N2	Trần Nhật Anh	06/11/2004	
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					
36					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2020-2021

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - LỚP 11A,N (môn Lý)

Phòng số: 73 Tại phòng: 602

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	110025	11N2	Trần Quang Anh	03/11/2004	
2	110026	11A1	Vũ Anh	12/09/2004	
3	110027	11N2	Lê Hoàng Bách	06/06/2004	
4	110028	11A1	Trần Xuân Bách	06/07/2004	
5	110029	11N2	Trịnh Quang Bách	06/05/2004	
6	110030	11N1	Nguyễn Quốc Bảo	15/01/2004	
7	110031	11A1	Ngô Tuệ Bình	05/01/2004	
8	110032	11N1	Phùng Văn Bình	09/06/2004	
9	110033	11N1	Hoàng Lê Cường	20/10/2004	
10	110034	11N2	Cao Ngọc Châu	28/05/2004	
11	110035	11A1	Nguyễn Minh Châu	24/01/2004	
12	110036	11N1	Trần Minh Châu	20/11/2004	
13	110037	11N2	Đỗ Vân Chi	17/10/2004	
14	110038	11A1	Ngô Hoàng Diệu Chi	30/06/2004	
15	110039	11A1	Vũ Hải Chi	30/01/2004	
16	110040	11A1	Đỗ Hồng Chung	14/10/2004	
17	110041	11N2	Phạm David	27/05/2004	
18	110042	11A1	Hoàng Minh Diệp	14/02/2004	
19	110043	11A1	Nguyễn Trần Trung Dũng	23/05/2004	
20	110044	11N1	Trần Quang Dũng	06/07/2004	
21	110045	11N2	Lê Phúc Duy	25/06/2004	
22	110046	11N2	Nguyễn Mạnh Duy	22/09/2004	
23	110047	11N2	Lê Vũ Quý Dương	10/01/2004	
24	110048	11A1	Phùng Viết Đạt	31/07/2004	
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					
36					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2020-2021

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - LỚP 11A,N (môn Lý)

Phòng số: 74 Tại phòng: 603

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	110049	11A1	Vũ Gia Đạt	01/11/2004	
2	110050	11N2	Đỗ Hải Đăng	11/03/2004	
3	110051	11A1	Đặng Trí Đức	11/09/2004	
4	110052	11N2	Mai Tiến Đức	14/04/2004	
5	110053	11N1	Trần Minh Đức	09/06/2004	
6	110054	11N1	Đỗ Trường Giang	14/11/2003	
7	110055	11A1	Vũ Dương Hà	02/09/2004	
8	110056	11N1	Đào Đại Hải	13/03/2004	
9	110057	11N1	Nguyễn Ngọc Hải	13/05/2004	
10	110058	11A1	Đặng Thị Mỹ Hạnh	01/11/2004	
11	110059	11A1	Lâm Mỹ Hạnh	18/01/2004	
12	110060	11N1	Nguyễn Tường Lan Hạnh	20/08/2004	
13	110061	11N1	Phạm Ngọc Bảo Hân	04/11/2004	
14	110062	11N1	Trần Phan Hiển	17/06/2004	
15	110063	11N1	Nguyễn Hoàng	13/04/2004	
16	110064	11A1	Trần Huy Hoàng	17/08/2004	
17	110065	11A1	Cao Xuân Hùng	22/01/2004	
18	110066	11N1	Phan Đình Hùng	11/04/2004	
19	110067	11N1	Nguyễn Gia Huy	18/09/2004	
20	110068	11N2	Nguyễn Hương Huyền	08/08/2004	
21	110069	11N2	Nguyễn Cảnh Hưng	29/02/2004	
22	110070	11N2	Nguyễn Phúc Hưng	04/09/2004	
23	110071	11N1	Hoàng Đức Kiên	26/10/2004	
24	110072	11N1	Nguyễn Trung Kiên	11/04/2004	
25					
26					
27					
28					
29					
30					
31					
32					
33					
34					
35					
36					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2020-2021

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - LỚP 11A,N (môn Lý)

Phòng số: 75 Tại phòng: 314

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	110073	11A1	Hoàng Lân Kiệt	01/07/2004	
2	110074	11A1	Nguyễn Quang Khánh	14/01/2004	
3	110075	11N2	Nguyễn Công Khôi	26/09/2004	
4	110076	11A1	Nguyễn Thị Diệu Lan	17/03/2004	
5	110077	11N1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	14/11/2004	
6	110078	11A1	Phạm Thị Ngọc Lan	18/05/2004	
7	110079	11A1	Nguyễn Hoàng Lâm	19/12/2004	
8	110080	11N2	Phan Phúc Lâm	15/09/2004	
9	110081	11A1	Đặng Ngọc Linh	17/03/2004	
10	110082	11N2	Nguyễn Diệu Linh	29/02/2004	
11	110083	11N2	Nguyễn Mai Linh	19/03/2004	
12	110084	11N1	Tống Khánh Linh	20/07/2004	
13	110085	11N1	Lý Hiển Long	01/12/2004	
14	110086	11A1	Nguyễn Thành Long	15/07/2004	
15	110087	11N1	Vũ Việt Long	31/01/2004	
16	110088	11A1	Lê Quang Lộc	10/02/2004	
17	110089	11A1	Trần Xuân Lộc	19/02/2004	
18	110090	11N2	Hồ Nguyên Lượng	13/08/2004	
19	110091	11A1	Nguyễn Tiến Mạnh	04/07/2004	
20	110092	11A1	Dương Nhật Minh	18/07/2004	
21	110093	11N2	Đặng Tài Minh	24/02/2004	
22	110094	11A1	Giáp Đức Minh	14/06/2004	
23	110095	11N2	Kiều Hồng Minh	02/07/2004	
24	110096	11N1	Kim Hồng Minh	28/05/2004	
25	110097	11N2	Nguyễn Đình Minh	25/11/2004	
26	110098	11N2	Vũ Quang Minh	21/07/2004	
27	110099	11A1	Lê Quốc Nam	18/10/2004	
28	110100	11N1	Nguyễn Hải Nam	18/01/2004	
29	110101	11A1	Nguyễn Lê Hoài Nam	22/09/2004	
30	110102	11A1	Phạm Văn Nam	12/05/2004	
31					
32					
33					
34					
35					
36					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI NĂM HỌC 2020-2021

TRƯỜNG THCS VÀ THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

DANH SÁCH HỌC SINH KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - LỚP 11A,N (môn Lý)

Phòng số: 76 Tại phòng: 405

STT	SBD	Lớp	Họ và tên HS	Ngày sinh	Ghi chú
1	110103	11A1	Nguyễn Hoàng Ngân	01/09/2004	
2	110104	11N2	Vũ Hoàng Ngân	12/03/2004	
3	110105	11N2	Ngô Hoàng Ngọc	18/06/2004	
4	110106	11N2	Nguyễn Diệu Ngọc	31/12/2004	
5	110107	11N1	Nguyễn Hữu Phong	29/02/2004	
6	110108	11N1	Trần Tuấn Phong	13/08/2004	
7	110109	11N1	Lê Trọng Phú	14/08/2004	
8	110110	11N1	Đào Thanh Phúc	25/03/2004	
9	110111	11N2	Lê Hà Phương	05/02/2004	
10	110112	11N1	Nguyễn Vũ Mai Phương	05/04/2004	
11	110113	11N2	Chu Đăng Quang	28/09/2004	
12	110114	11A1	Quách Ngọc Quang	27/05/2004	
13	110115	11A1	Trần Đăng Quang	22/08/2004	
14	110116	11N2	Nguyễn Mạnh Quân	23/08/2004	
15	110117	11N2	Nguyễn Minh Quân	19/07/2004	
16	110118	11N2	Nguyễn Minh Quân	28/07/2004	
17	110119	11N1	Phạm Thái Sơn	23/10/2004	
18	110120	11A1	Bùi Quang Tùng	14/03/2004	
19	110121	11N1	Võ Song Tùng	26/04/2004	
20	110122	11N2	Vũ Sơn Tùng	19/09/2004	
21	110123	11N1	Thạch Phương Thảo	19/08/2004	
22	110124	11N2	Nguyễn Tiến Thắng	24/12/2004	
23	110125	11N2	Nguyễn Việt Thắng	02/10/2004	
24	110126	11N1	Phạm Anh Thư	13/10/2004	
25	110127	11A1	Đỗ Thị Thương	22/01/2004	
26	110128	11N1	Đỗ Minh Trang	31/08/2004	
27	110129	11A1	Mai Minh Trang	21/08/2004	
28	110130	11A1	Nguyễn Ninh Trang	01/01/2004	
29	110131	11A1	Nguyễn Ngọc Trâm	04/11/2004	
30	110132	11N2	Bồ Quốc Trung	10/01/2004	
31	110133	11N2	Nguyễn Đức Trung	08/01/2004	
32	110134	11N2	Nguyễn Mai Uyên	15/09/2004	
33	110135	11N2	Nguyễn Khánh Vân	11/02/2004	
34	110136	11N1	Chu Hoàng Việt	01/03/2004	
35	110137	11N2	Nguyễn Hồ Đông Vinh	19/01/2004	
36	110138	11N1	Nguyễn Phan Anh Vũ	12/06/2004	